

KH&CN Thái Bình: nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu và triển khai

Những năm qua, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của tỉnh Thái Bình đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Để có được những thành công đó, Thái Bình đã đề ra nhiều giải pháp đa dạng, trong đó tỉnh luôn chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu và triển khai. Vì thế, mặc dù còn có những hạn chế, nhưng hoạt động KH&CN đã thực sự có đóng góp to lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những kết quả nổi bật

Trong giai đoạn từ 2011 đến 2013, công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN của Thái Bình đã tập trung chủ yếu

như: các giống lúa T1, TBR27, CNR604, CNR611, BG6, RVT11, HYT108...; các giống ngô NL77A, SB11-6.

Đã xây dựng nhiều mô hình



Công ty TNHH Điện cơ AIDI
ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ KH&CN vào sản xuất

vào phục vụ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh (theo Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ 18 đã đề ra). Tỉnh đã triển khai thực hiện 131 chương trình, đề tài, dự án KH&CN trọng điểm thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và đã đạt được những kết quả nổi bật, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tạo ra diện mạo mới cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn Thái Bình. Một số kết quả nổi bật có thể kể đến như:

Trong lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn

Đã tiến hành khảo nghiệm 331 giống lúa mới, 54 giống ngô mới. Kết quả, đã xác định được một số giống có triển vọng

ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn như: mô hình trình diễn giống dưa Thanh Lê với quy mô 15 ha tại Song An (Vũ Thư) và Thụy Bình (Thái Thụy), có thời gian sinh trưởng ngắn (65 đến 75 ngày), năng suất 20-22 tấn quả/vụ/ha, giá trị kinh tế đạt 60-70 triệu đồng/ha/vụ; mô hình sản xuất lúa Japonica với diện tích 110 ha tại xã Song An (Vũ Thư), thời gian sinh trưởng ngắn hơn các giống khác 10 ngày, năng suất đạt 66-70 tạ/ha; mô hình sản xuất nấm mỡ chịu nhiệt, nấm rơm chính vụ và trái vụ; mô hình chăn nuôi lợn an toàn theo quy trình thực hành sản xuất chăn nuôi tốt (VietGAP); mô hình ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi lợn ngoại, quy mô công

nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa... Đã ứng dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật canh tác, kết hợp với sử dụng giống, phân bón mới để giảm nguy cơ thiệt hại do bệnh lùn sọc đen, đồng thời cải tạo đất, bảo vệ được môi trường sinh thái. Đã nghiên cứu sản xuất và ứng dụng thành công chế phẩm nấm *Metarhizium anisopliae* trị một số loại rầy truyền bệnh virus hại lúa tại Thái Bình.

Ứng dụng thành công công nghệ sản xuất hàu giống, cá Vược theo phương pháp sinh sản nhân tạo, cung cấp cho các vùng nuôi trong và ngoài tỉnh. Xác định được các yếu tố môi trường nuôi ngao nhằm tìm ra nguyên nhân chủ yếu gây chết đối với ngao nuôi vùng ven biển Thái Bình. Bên cạnh đó, còn tiến hành nuôi sinh khối 3 loài tảo (*Isochrysis galbana*, *Chlorella sp.*, *Nannochloropsis oculata*) làm thức ăn nuôi vỗ và sản xuất giống ngao, bước đầu đạt kết quả tốt.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp - dịch vụ

Trong thời gian qua, tỉnh đã tập trung đầu tư hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp, điển hình như: hỗ trợ Công ty TNHH cơ khí Quốc Hòa nghiên cứu thiết kế và chế tạo thành công máy cắt giấy A4 tự động, với số lượng cung cấp ra thị trường trung bình 20 máy/năm, giá thành rẻ hơn so với máy cắt giấy ngoại nhập, giảm 4/5 nhân công so với cách cắt truyền thống; hỗ trợ Công ty TNHH điện cơ AIDI nghiên cứu cải tiến công nghệ phun sơn chống dính cho đồ gia dụng với chi phí sản xuất thấp, giá thành sản phẩm phù hợp, tăng sức cạnh tranh trên thị trường; hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới công nghệ trong nhuộm màu để nâng cao độ bền sản phẩm mây tre đan xuất



Ứng dụng tiến bộ KH&CN nuôi cá lồng trên sông Hồng tại xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

khẩu; hỗ trợ nghiên cứu cải tiến dây chuyền BoBin tẩy nhuộm sợi phục vụ sản xuất dệt may trong nước và xuất khẩu...

Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã cung cấp những luận cứ khoa học trong việc cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh. Ví dụ: nghiên cứu xây dựng một số giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016; nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát cho đội ngũ cán bộ kiểm tra ở các tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng giai đoạn 2011-2015 và những năm tiếp theo đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; nghiên cứu xây dựng một số giải pháp khả thi nâng cao chất lượng giáo dục, hiệu quả quản lý học thêm, dạy thêm trong nhà trường phổ thông trong tỉnh; nghiên cứu xây dựng một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần xây dựng nông thôn mới; xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp cho một số doanh nghiệp

tỉnh Thái Bình...

Lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường

Kết quả của các đề tài trong lĩnh vực y tế đã góp phần tích cực nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, cụ thể là đã xây dựng được mô hình chăm sóc sức khỏe, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho người cao tuổi ở nông thôn Thái Bình; đã nghiên cứu, bào chế sản phẩm đông dược "Bảo mạch hạ áp" có tác dụng trong điều trị cho bệnh nhân tăng huyết áp từ nguồn dược liệu hoa hòe, đinh lăng, hoa cúc sắc có của địa phương; nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu tai nạn thương tích trong cộng đồng dân cư tỉnh Thái Bình; đánh giá kết quả phẫu thuật gãy cột sống vùng lưng - thắt lưng bằng phương pháp nẹp vít qua cuống tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh...

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đã nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên sinh vật ở vùng ven biển huyện Thái Thụy phục vụ cho việc bảo tồn, khai thác và sử dụng hợp lý các hệ sinh thái ven biển; nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu nhằm xây dựng một số giải pháp thích ứng và giảm nhẹ thiệt hại đối với ảnh hưởng của nước biển dâng; tích hợp công nghệ viễn thám và GIS xây dựng bộ bản đồ hiện trạng tài

nguyên thiên nhiên phục vụ công tác định hướng quy hoạch phát triển bền vững; nghiên cứu xây dựng các kế hoạch phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường của tỉnh; đánh giá thực trạng chất lượng nước hệ thống thủy nông Nam Thái Bình và đề xuất giải pháp thủy lợi cải thiện chất lượng cấp nước sinh hoạt cho nhân dân; đánh giá hiện trạng môi trường hệ sinh thái nước lợ, hệ sinh thái rừng ngập mặn tỉnh Thái Bình phục vụ nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường.

Một số tồn tại và giải pháp

Bên cạnh những thành tích đạt được nêu trên, trong hoạt động KH&CN của tỉnh cũng còn một số khó khăn, hạn chế như: chưa có nhiều công trình lớn, mang tính đột phá, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh; việc gắn kết nội dung KH&CN vào kế hoạch hoạt động của các cấp, các ngành chưa thường xuyên. Việc áp dụng kết quả của các đề tài/dự án vào thực tiễn còn hạn chế; hiệu quả của hoạt động chuyển giao tiến bộ KH&CN chưa cao. Chất lượng đội ngũ cán bộ KH&CN còn hạn chế, phân bố chưa đồng đều. Mặc dù tỉnh đã ban hành chính sách ưu đãi, thu hút và sử dụng nhân tài nhưng việc thu hút các cán bộ KH&CN có trình độ cao về công tác tại tỉnh là rất khó khăn, bên cạnh đó vẫn còn tình trạng “*chảy máu chất xám*”. Cơ sở vật chất của các tổ chức KH&CN chưa đảm bảo nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng KH&CN. Đầu tư cho KH&CN còn dàn trải; chưa phát huy, khai thác tốt các nguồn lực theo hướng xã hội hóa.

Ngoài ra, hệ thống cơ quan quản lý KH&CN từ tỉnh xuống cơ sở còn nhiều bất cập, mới chỉ có

đến cấp huyện/thành phố, cấp xã không có. Cán bộ KH&CN ở cơ sở, nhất là ở nông thôn còn thiếu. Vì vậy, việc triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN cũng như việc tuyên truyền phổ biến thông tin KH&CN và chuyển giao các thành tựu KH&CN xuống cơ sở gặp rất nhiều khó khăn. Hệ thống chuyển giao các tiến bộ KH&CN còn chồng chéo, thiếu đồng bộ.

Những hạn chế trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan đặc thù. Cụ thể, về *nguyên nhân khách quan*, kinh tế của tỉnh có xuất phát điểm thấp, ngân sách hạn hẹp, thiếu vốn đầu tư phát triển KH&CN (những năm qua, đầu tư cho KH&CN từ ngân sách của tỉnh đạt trung bình 0,67% so với tổng chi ngân sách và thấp hơn bình quân chung của cả nước). Cơ chế quản lý KH&CN, nhất là cơ chế tài chính trong lĩnh vực KH&CN chậm được đổi mới. Về *chủ quan*, một số cấp ủy đảng, chính quyền và ngành chức năng chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò động lực, nền tảng của KH&CN đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên chưa quan tâm đúng mức đối với phát triển KH&CN, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm, là giải pháp thúc đẩy hoạt động của ngành, địa phương và doanh nghiệp.

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành trong hoạt động KH&CN chưa đồng bộ. Thiếu cơ chế, chính sách đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống. Chưa có chiến lược, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ KH&CN phù hợp với yêu cầu phát triển KH&CN của tỉnh. Việc nghiên cứu, ứng dụng KH&CN để nâng cao năng lực cạnh tranh chưa trở thành nhu cầu bức thiết đối với nhiều doanh nghiệp.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động KH&CN, trong

thời gian tới, tỉnh đã đề ra nhiều biện pháp và các mục tiêu cụ thể. Trong đó, ngành KH&CN đã xác định một số mục tiêu cụ thể đến năm 2015 như: nghiên cứu, chọn tạo thành công 2-3 giống cây trồng mới có ưu thế vượt trội về năng suất, chất lượng cũng như khả năng chống chịu, được công nhận là giống quốc gia; xây dựng được 1-2 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; xây dựng được khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao; có thêm từ 2 đến 3 doanh nghiệp KH&CN. Số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 10%/năm. Có 25% số cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn; số cán bộ có trình độ từ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 2,5% dân số toàn tỉnh. 100% số cán bộ KH&CN sử dụng thành thạo tin học và 80% được bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ và kiến thức chuyên môn; năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) đóng góp khoảng 30% vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Tóm lại, để nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN, gắn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng với sản xuất, đời sống và nhu cầu xã hội, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đòi hỏi sự nỗ lực ngành KH&CN Thái Bình, đồng thời rất cần sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo tỉnh, sự hỗ trợ của Bộ KH&CN và sự phối hợp đồng bộ của các cấp, ngành trong tỉnh ■